

TƯ LIỆU

VÀI ĐIỀU MỚI BIẾT VỀ BỘ SÁCH KỸ THUẬT CỦA NGƯỜI NAM

Nguyễn Quảng Minh,* H. van Putten**
Nguyễn Mộng Hưng*

Bộ sách *Technique du peuple annamite* (Kỹ thuật của người Nam, *KTNN*) có hai phần: phần tranh (Volume des Planches, Tập Trang tranh) in mộc bản ở Hà Nội mùa hè 1909 và phần văn từ (Volume de Texte, Tập Văn từ) in typo ở Paris đầu năm 1911. Như vậy đến nay (năm 2011), bộ sách đã được xuất bản trọn bộ vừa đúng một trăm năm.

Nhân dịp này, chúng tôi xin trình bày vài nhận thức mới (với chúng tôi) liên quan đến Oger và bộ sách xuất bản *chui* (không nhà xuất bản,⁽¹⁾ không nộp lưu chiểu...) trên. Những nhận thức của chúng tôi chỉ hạn chế trong phạm vi liên quan đến *KTNN* và thời gian Oger ở Hà Nội (nay biết chắc là, từ tháng 1 năm 1908 đến hết mùa hè 1909, khoảng trên dưới 20 tháng).⁽²⁾ Chúng tôi cố gắng *nói có sách, mách có chứng*, chứng vừa là trích dẫn văn từ vừa là hình ảnh.

I. Về những bản gốc⁽³⁾ *KTNN* hiện biết



Hình 1. Một trong những trang bìa (chưa xử lý photoshop) của Tập Trang tranh, bản SGN.

Những vị viết về *KTNN*, từ Pierre Huard năm 1970 (trên *BEFEO*) qua Nguyễn Mạnh Hùng năm 1989 (trong *Ký họa Việt Nam đầu thế kỷ 20*) tới Philippe Le Failler và Olivier Tessier năm 2009 (bản in lại) đều có nói ít nhiều đến các dị bản của bộ sách này nhưng chưa ai so sánh đầy đủ với hình ảnh về mặt văn bản học. Chúng tôi thử làm việc đó.

I.1. Về bản gốc ở Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh

Khi in lại *KTNN*, hai ông Le Failler và Tessier coi bản gốc ở TVKHTH TPHCM là *được bảo quản tương đối tốt... nên đã dùng bản đó là mẫu cho lần in lại này* (tr. 8), tất cả các trang của bản này đã được xử lý vi tính, xóa bỏ những tổn thất do thời gian và con người rồi đưa vào ba tập sách in năm 2009 cùng đĩa DVD. Như vậy, cho đến thời điểm đó, bản này (tạm gọi là

* Thành phố Hà Nội.

** Amsterdam, Hà Lan.

bản [gốc] SGN để tiện trình bày) được coi là đầy đủ nhất (có cả hai Tập và Tập Trang tranh gồm 700 trang). Năm 2009 đánh dấu 100 năm rập in Tập Trang tranh, *KTNN* được “bạch hóa”, chấm dứt “độc quyền” muốn nói sao thì nói của một vài vị!

Bản gốc SGN cũng được báo chí nói đến và sử dụng nhiều nhất, đến mức hầu như tất cả các bản *sao chụp* hiện có ở các thư viện Hoa Kỳ và Pháp đều là từ bản này.

1.2. Về bản gốc ở Thư viện Quốc gia Việt Nam, Hà Nội

Trong cuốn *Ký họa Việt Nam đầu thế kỷ 20*, Nguyễn Mạnh Hùng (1989: 31, 32) coi TVQGVN có một bộ gồm 7 quyển được đóng không đều đặn... [một] quyển lẻ chỉ được đóng thành 120 trang đầu (không đủ bộ)... và *Hiện nay chỉ mới thấy 2 bộ và 1 cuốn lẻ ở Việt Nam*. Hai vị chủ biên lần in lại năm 2009 cũng coi bản này *không đầy đủ* (tr. 8).

Thực tế hầu như không hẳn vậy.

Được sự giúp đỡ rất tận tình của Thư viện Quốc gia Việt Nam, Hà Nội, đầu tháng 9 năm 2011 chúng tôi được ông Lê Đức Thắng, Phó Trưởng Phòng Tin học cung cấp cho nhiều hình ảnh, thông tin và tài liệu rất quý liên quan đến bản gốc *KTNN* ở đây (tạm gọi là bản [gốc] HAN).



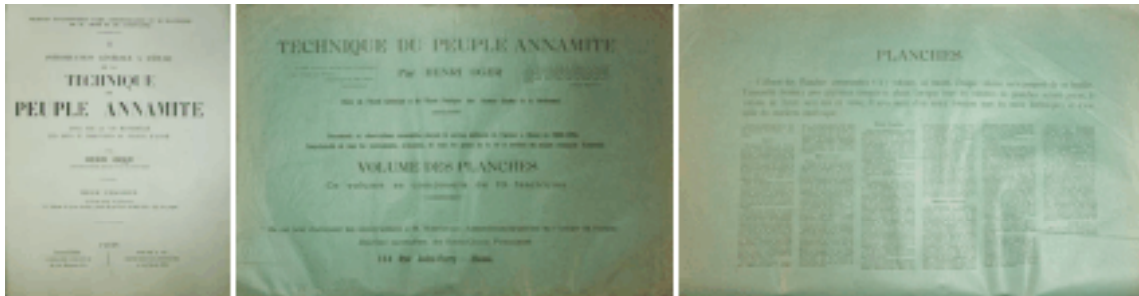
Hình 2. Trang bìa quyển 1 (trái) và quyển 2, bản HAN.

Cho đến nay, bản HAN *không có Tập Văn từ*⁽⁴⁾ nhưng Tập Trang tranh gồm 6 quyển (fascicule): quyển 1 và 4 có bìa màu trắng; các quyển 2, 3 và 5 có bìa màu xanh, giấy dày và mỗi quyển, ngay sau trang bìa, có một trang in typo với tựa đề PLANCHES trên giấy màu xanh, dày; quyển 6 chỉ có bìa màu xanh, dày. Số lượng trang tranh ở mỗi quyển một khác nhưng quyển 1 bắt đầu bằng trang tranh số 1 và quyển 6 kết thúc với trang tranh số 700. Các ký hiệu viết tay từ HG (1),... HG (6) cho biết có một sự liên tục ở bản HAN. Điểm quý hơn nữa là trên hai trang bìa màu trắng của các quyển 1 và 4 còn có lời đề tặng do Henri Oger viết tay với ngày tháng và địa điểm cụ thể. Nếu biết rằng trong 4.383 hình khắc (gravure) của *KTNN*, chỉ một hình 318_0D có ghi ngày tháng cụ thể thì mới thấy hai lời đề tặng trên quan trọng đến mức nào trong việc tìm hiểu *KTNN*.

Ở phần II bài này, chúng tôi sẽ nói rõ hơn về các trang bìa màu trắng và các trang PLANCHES mà chúng tôi mới biết.

1.3. Có một bản gốc KTNN ở British Library, London

Chúng tôi biết ở British Library (London, Anh) có một bản gốc nữa mà lần tái bản 2009 chưa nói tới. Ký hiệu trên giá của bản gốc LDN này là Or. T.C.4 và gồm Tập Văn từ (đóng thành một sách) cùng Tập Trang tranh (đóng thành hai sách, tổng cộng 700 trang tranh); một số quyển trong Tập Trang Tranh cũng có thêm trang PLANCHES in typo trên giấy cứng, màu xanh; tổng số những trang loại này là 4; nội dung và cách trình bày tương tự như những trang PLANCHES ở bản HAN. Theo TS Sud Chonchirdsin, Trưởng Ban Suu tập Việt Nam thì bộ sách trên đã được British Library mua tháng 3 năm 1923, nay (22/9/2010) chưa tìm được hóa đơn nên chưa biết mua của ai, ở đâu, giá bao nhiêu...



Hình 3. Những trang tiêu biểu của bản LDN: (trái) bìa Tập Văn từ; (giữa) bìa quyển 1, Tập Trang tranh; trang PLANCHES.

1.4. Về bản gốc KTNN ở Nhật Bản

Hai ông Le Failler và Tessier cho biết (2009: 8): *Bản (exemplaire) ở Thư viện Đại học Keio, Minato-Ku, Nhật Bản đặt ra vài nghi vấn vì nó có tới 935 trang tranh (planche), tức nhiều hơn bản mẫu [bản gốc SGN] tới 235 [trang]. Các đồng nghiệp Việt Nam của chúng tôi đã tiếp xúc với các đồng nghiệp Nhật Bản của họ và được biết: thư viện đại học trên đã mua được bản đồ từ tủ sách (fonds) riêng của Henri Oger trong các năm 1950 và*



Hình 4. Trang tranh 701 của bản JPN (theo Le Failler và Tessier 2009: 8).

bản đó có thêm những hình (dessin) chưa xuất bản (inédit). Những chú thích trong ngoặc (...) là những từ Pháp ngữ tương đương mà hai vị chủ biên dùng; những chú thích trong ngoặc [...] là do chúng tôi thêm cho rõ nghĩa. Chúng tôi tạm gọi bản gốc ở Đại học Keio là bản JPN.

Những nghi vấn có thể là:

- Cụ thể từ sách riêng của Oger là gì?
- Và nhất là trong các năm 1950?

c) Ai quản lý tủ sách đó, ở đâu; nói cách khác, ai bán bản đó? ở đâu? và lấy từ đâu?

d) Thế nào là *hình chưa xuất bản*?

e) *Nhiều hơn* [bản SGN] 235 trang tranh hay nhiều hơn nữa?

Để góp phần trả lời những câu hỏi trên, chúng tôi biết là, theo Huard (1970: 215-216) và Le Failler cùng Tessier (2009: 13), Oger phải về Pháp ngày 18/6/1919, sau nhiều lần vào bệnh viện vì mất sức; ngày 18/12/1920 Oger được về hưu vì lý do sức khỏe. Hình như từ tháng 2/1932 Oger xuất hiện ở Barcelona (Tây Ban Nha) và coi là bị mất tích năm 1936. Từ 18/6/1919 đến năm 1936, không thấy nói Oger có trở lại Bắc Kỳ. Oger lấy vợ ngày 16/4/1922, không có con. Từ năm 1952 bà vợ Oger ở Chantilly (Oise) và mất cuối năm 1954 (trước 1952 phải chăng ở Montrevault⁽⁵⁾ [Maine-et-Loire]?). Vậy là, sau nhiều năm tháng ốm đau và di chuyển như trên thì tủ sách riêng của Oger có thể còn những gì, nằm ở đâu, do ai giữ... để đến những năm 1950 đem bán cho thư viện một trường đại học Nhật Bản xa xôi (và do ai môi giới?)... Ngay một chữ *inédit* tưởng như đơn giản mà cũng khó hiểu. Khi một hình (*dessin*) hay bài báo *inédit* có nghĩa là còn ở dạng bản thảo, vẽ hay viết tay/đánh máy/dạng mềm... Nhưng áp dụng vào *KTNN* thì khác hẳn: các hình khắc đã được ghép thành ván in, đã rập in và chỉ in có một (vài) tờ (trang tranh 701 là chứng cứ); Thư viện Đại học Keio có may mắn đã mua được tới 235 tờ khác nhau như vậy! Khi Oger dùng chữ *inédit* ở trang 113 Tập Văn từ thì nghĩa còn rộng hơn, có thể còn đang ở dạng ván in, chưa rập lần nào..., thậm chí *dessin* còn đang ở dạng vẽ tay, thợ khắc chưa khắc trên gỗ... Hiểu thế nào cho đúng với thực tế của *KTNN*?

Mặt khác, trang tranh 701 (của bản JPN, hình 4) có những chữ Việt viết thêm bằng bút chì. Bản SGN cũng có nhiều chữ Việt viết thêm. Nếu so sánh bản JPN với bản SGN rất có thể tìm thêm được những thông tin về xuất xứ của bản JPN. Hơn nữa, theo Oger thì còn tới 400 trang *inédit* (tr. 113, Tập Văn từ) chứ không phải chỉ có 235!

Bảng 1. So sánh tổng quát bốn bản gốc KTNN hiện biết.

	SGN	HAN	LDN	JPN
Tập Văn từ	x	0	x	?
Tập Trang tranh	x	x	x	x
Số lượng trang tranh	700	700	700	935
Về các trang in typo				
Trang bìa xanh, cứng	X	4	5	?
Trang bìa trắng, mềm	0	2	0	?
Trang tựa đề <i>PLANCHES</i>	0	3	4	?
Bút tích Oger	0	2	0	?

x = có; 0 = không có; X = có nhưng không rõ số lượng.

Tóm lại, cho đến nay và với những thông tin vừa trình bày có thể nói *KTNN* còn tất cả 4 bản gốc, 2 bản ở Việt Nam (trong đó Tập Trang tranh của bản HAN đầy đủ hơn nhiều người nghĩ), 1 bản ở Anh; 3 bản này đã biết tương đối rõ. Bản thứ 4 ở Nhật Bản còn nhiều dấu hỏi bí ẩn.

Mặt khác, tuy chỉ có 4 bản nhưng mỗi bản một vẻ. Đó là điều có thể hiểu được. Tập Trang tranh của *KTNN* được thực hiện ở ba nơi xa nhau (bìa xanh và trang *PLANCHES* in typo ở đường Jules Ferry [đường Tràng Thi hiện nay], tranh rập in theo lối cổ truyền ở đình Cổ Vũ, Hàng Gai và chùa Vũ Thạch, Hàng Giò [đường Bà Triệu hiện nay]), với 5-6 nghìn hình khắc sắp xếp lộn xộn cốt sao cho thành ván in, với khoảng 1.000 ván in (1.100, theo Oger; 935, theo Le Failler và Tessier), rập in rồi từng trang, đóng thành quyển... Khoảng ba chục người Việt tham gia việc khắc, in, đóng ở những mặt bằng nhỏ hẹp, xa nhau, dưới sự phối hợp của một thanh niên trẻ, người Pháp, có hiểu biết thực tế rất hạn chế (các chú thích chữ Pháp là căn cứ cho điểm này) và óc tổ chức khá khiêm tốn (tình trạng không đánh số các quyển, không đánh số các hình trong mỗi trang tranh là căn cứ cho điểm này). Giữa họ còn cả hàng rào ngôn ngữ và quan hệ Đông phương-Tây phương, người bị trị - kẻ thống trị... Cũng là điều hiểu được khi mỗi bản gốc có một số lượng quyển khác nhau và mỗi quyển dày mỏng cũng khác nhau. Rất có thể in được đến đâu, đóng quyển ngay đến đó rồi gởi đi. Việc rập in, đóng quyển cũng lộn xộn, luộm thuộm như khi sắp xếp các hình khắc ở các trang tranh. Không kế hoạch, không tổ chức, không theo chuyên đề... Vì vậy mới dẫn đến sự thiếu thừa mà chúng ta đang thấy.

Việc “đóng lại” ở mỗi thư viện một khác cũng làm cho tình hình thêm phức tạp, cách tính số quyển gặp khó khăn nên sẽ sơ sót, sai lầm khi “cười ngựa xem hoa”!

Khắc, rập in, đóng *KTNN* hầu như phức tạp hơn, khó khăn hơn so với các sách Hán Nôm. Tập Trang tranh của *KTNN* thuộc dòng sách Hán Nôm. Nếu như thư tịch Hán Nôm còn nhiều vấn đề gai góc về văn bản học và mỗi sách Hán Nôm thường có nhiều dị bản thì *KTNN* cũng tương tự vậy. Qua đây cũng thấy đóng góp lớn của người Việt trong công trình này, họ không chỉ dừng về số lượng mà còn thực hiện tất cả các khâu, từ cố vấn về nội dung, vẽ, khắc, ghép các bản khắc thành ván in (theo cách viết chữ Nho, từ phải qua trái), rập in, đóng thành quyển... Phần rất lớn các chú thích chữ Nho và chữ Nôm đã nói đủ nội dung các hình khắc. Oger viết chú thích chữ Pháp, thường phản ánh mờ nhạt thực tế, nhiều khi còn nhầm lẫn, bỏ sót 105 hình khắc. Đằng sau Oger còn 8 người Pháp: Dumoutier (di cảo), 2 người ở Nha Học chính Bắc Kỳ và 5 cố vấn quý hóa (chữ dùng của Oger, xem hình 9 và bảng 2).

Muốn tìm hiểu *KTNN* về mặt văn bản học, cần so sánh cụ thể tất cả các bản gốc hiện còn.

II. Về những trang bìa trắng và trang *PLANCHES* mà bản *SGN* không có

Bản *HAN* có hai trang bìa trắng, in typo mà hai bản *SGN* và *LDN* không có.

Ba bản *SGN*, *HAN* và *LDN* đều có những trang bìa xanh, giấy cứng, in typo như thường thấy cho đến nay. Chúng đều in, đóng cùng với các trang



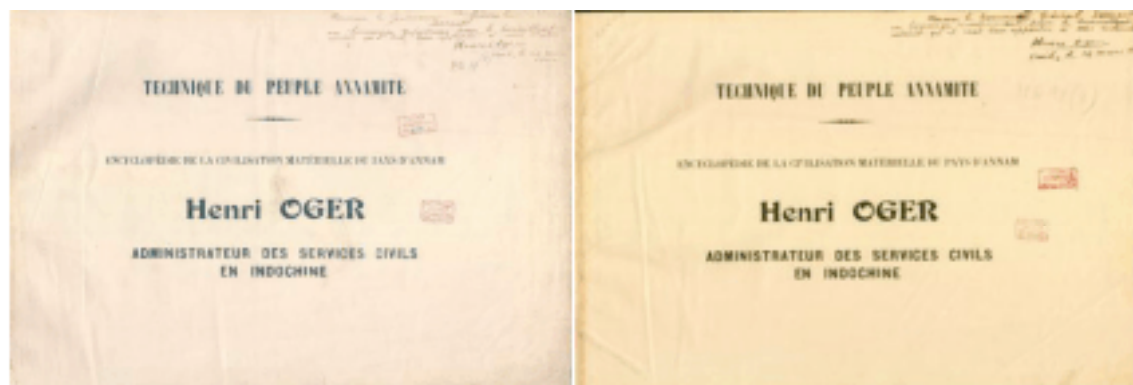
Bân SGN Bân LDN Bân HAN
Hình 5. Những trang bìa thường thấy của ba bản gốc KTNV hiện có ở Việt Nam và Anh

tranh ở Hà Nội vào mùa hè 1909, khi Oger còn là Élève de l'École Coloniale et de l'École Pratique des Hautes Études (à la Sorbonne), nghĩa là khi ông đang làm nghĩa vụ quân sự ở Hà Nội.

Nhưng hai bản HAN và LDN còn có những trang (với tựa đề) PLANCHES in typo trên giấy cứng màu xanh mà bản SGN không có.

Ở phần II này chúng tôi trình bày bước đầu vài thông tin liên quan đến những trang bìa trắng và những trang PLANCHES.

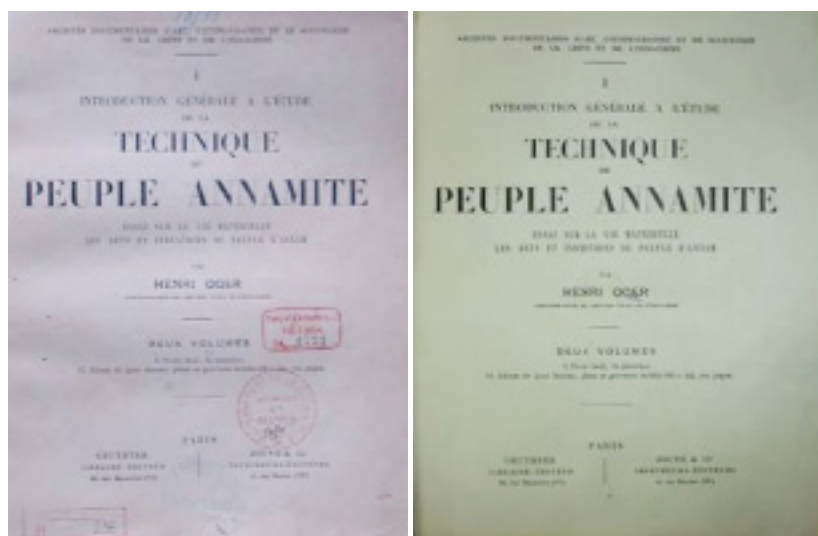
II.1. Về những trang bìa trắng



Hình 6. Hai trang bìa trắng của quyển 1 và 4, bản HAN.

Đây là hai trang chỉ bản HAN có. Hai trang này có nội dung đơn giản hơn các trang bìa thường thấy (bìa xanh); không địa chỉ, không “quảng cáo”... Nhưng có một chi tiết nói lên thời điểm in hai trang đó: dưới tên Henri Oger có ghi chức vụ, administrateur des Services Civils en Indochine. Cũng thấy Oger ghi chức vụ này ở Tập Văn từ, in typo ở Paris năm 1911 (Hình 7).

Theo Huard (1970: 215), ngày 29/12/1910 Oger được chính thức bổ nhiệm là élèveadministrateur des Services Civils de l'Indochine (Cán sự tập sự) và ngày 1/7/1912 mới là administrateur de 5^e classe (Cán sự [chính ngạch] bậc 5). Nhưng bút tích của Oger lại viết ngày 24/3/1912, nghĩa là trước ngày được vào chính ngạch khoảng ba tháng. Trong thực tế, thường người ta cũng hay bỏ chữ élève (tập sự). Như vậy, hai trang đó chắc chắn được in sau ngày 29/12/1910 và trước ngày 24/3/1912, tức là sau khi in các trang tranh bằng mộc bản ở Hà Nội.



Hình 7. Trang bìa Tập Văn từ của bản SGN (trái) và bản LDN.

ông phải *in bìa mới* trên giấy trắng. Cũng có thể nghĩ, Oger in những trang này coi như danh thiếp nhằm tự giới thiệu mình (vì vậy nội dung mới đơn sơ, không đủ những yếu tố cần và đủ cho một trang bìa). Việc thiếu thừa trang này trang nọ là việc cơm bữa trong bất cứ xưởng in thủ công nào. Nhưng in bao nhiêu bản và ở đâu? Hiện nay ở đâu còn những trang tương tự? Rất có thể đến ngày 24/3/1912 Tập Văn từ đã hết nên bản HAN không có tập này.

II.2. Về những trang *PLANCHES*

Trong bản in lại năm 2009 không thấy trang nào tương tự như trang *PLANCHES*. Ngày 10 và 28 tháng 3 năm 2011 bà Trần Kim Cúc, Phó Trưởng Phòng Thông tin-Tư liệu, TVKHTH TPHCM cho biết thêm (đại ý) bản gốc *KTN* ở thư viện đó cũng không có trang nào tương tự như trang *PLANCHES* ở British Library.



Hình 8. Những trang *PLANCHES* trong bản LDN (trái) và HAN.

Để quý vị dễ kiểm tra nội dung, chúng tôi đánh vi tính lại và cố trình bày gần như nguyên gốc (Hình 9).

Vì sao lại có những trang bìa trắng đỏ? Có thể giả thiết như sau chẳng: khi làm việc ở Vinh, Oger muốn tự “tiến cử” mình với Toàn quyền Albert Sarraut (hai lời đề tặng là căn cứ cho điểm này), ông không còn những quyển đã in và đóng, những bìa cũ màu xanh, giấy cứng có thể đã hết,

Hình 9. Một trang PLANCHES, bản LDN đánh vi tính lại, trình bày gần như nguyên gốc. (Những đoạn tô màu không có trong LIMINAIRE [Lời mở đầu], in năm 1911 ở Paris).

PLANCHES

L'album des Planches comprendra 6 à 7 volumes, au moins. Chaque volume sera composé de 70 feuilles. L'ensemble formera 4000 gravures, croquis et plans. Lorsque tous les volumes de planches seront parus, le volume de Texte sera mis en vente. Il sera suivi d'un index donnant tous les mots Techniques et d'une table des matières analytique[.]

Ensemble de planches de la Collection
L'ensemble de planches de la Collection sera composé de 4000 gravures, croquis et plans.

Liminaire

Le premier volume de la Collection sera composé de 70 feuilles. Les planches seront gravées sur papier blanc et imprimées en noir. Elles seront accompagnées d'un texte explicatif et d'un index analytique.

Ensemble de planches de la Collection
L'ensemble de planches de la Collection sera composé de 4000 gravures, croquis et plans.

Un travail préparatoire s'opposera à l'œuvre principale. L'œuvre principale sera composée de 4000 gravures, croquis et plans.

des. Ce qui se fera dans les conditions les plus favorables pour la France. Les planches seront gravées sur papier blanc et imprimées en noir. Elles seront accompagnées d'un texte explicatif et d'un index analytique.

Méthode de travail

Tout d'abord, on se livre à une étude de la situation. On se livre à une étude de la situation. On se livre à une étude de la situation.

Ensemble de planches de la Collection
L'ensemble de planches de la Collection sera composé de 4000 gravures, croquis et plans.

Un travail préparatoire s'opposera à l'œuvre principale. L'œuvre principale sera composée de 4000 gravures, croquis et plans.

Méthode d'Exposition

Il faut tout d'abord se livrer à une étude de la situation. On se livre à une étude de la situation. On se livre à une étude de la situation.

Ensemble de planches de la Collection
L'ensemble de planches de la Collection sera composé de 4000 gravures, croquis et plans.

Un travail préparatoire s'opposera à l'œuvre principale. L'œuvre principale sera composée de 4000 gravures, croquis et plans.

Ensemble de planches de la Collection
L'ensemble de planches de la Collection sera composé de 4000 gravures, croquis et plans.

Ensemble de planches de la Collection
L'ensemble de planches de la Collection sera composé de 4000 gravures, croquis et plans.

Un travail préparatoire s'opposera à l'œuvre principale. L'œuvre principale sera composée de 4000 gravures, croquis et plans.

Ensemble de planches de la Collection
L'ensemble de planches de la Collection sera composé de 4000 gravures, croquis et plans.

Un travail préparatoire s'opposera à l'œuvre principale. L'œuvre principale sera composée de 4000 gravures, croquis et plans.

Ensemble de planches de la Collection
L'ensemble de planches de la Collection sera composé de 4000 gravures, croquis et plans.

Ensemble de planches de la Collection
L'ensemble de planches de la Collection sera composé de 4000 gravures, croquis et plans.

Un travail préparatoire s'opposera à l'œuvre principale. L'œuvre principale sera composée de 4000 gravures, croquis et plans.

Ensemble de planches de la Collection
L'ensemble de planches de la Collection sera composé de 4000 gravures, croquis et plans.

Un travail préparatoire s'opposera à l'œuvre principale. L'œuvre principale sera composée de 4000 gravures, croquis et plans.

Ensemble de planches de la Collection
L'ensemble de planches de la Collection sera composé de 4000 gravures, croquis et plans.

Ensemble de planches de la Collection
L'ensemble de planches de la Collection sera composé de 4000 gravures, croquis et plans.

Un travail préparatoire s'opposera à l'œuvre principale. L'œuvre principale sera composée de 4000 gravures, croquis et plans.

Ensemble de planches de la Collection
L'ensemble de planches de la Collection sera composé de 4000 gravures, croquis et plans.

Un travail préparatoire s'opposera à l'œuvre principale. L'œuvre principale sera composée de 4000 gravures, croquis et plans.

Ensemble de planches de la Collection
L'ensemble de planches de la Collection sera composé de 4000 gravures, croquis et plans.

Bảng 2. Tên những người mà Oger cho là có liên quan đến *KTNN* (năm 1909)

TT	Tên người	Chức vụ	Ghi chú
1	Péralle ^(*)	Giám đốc Nha Học chính Bắc Kỳ	Hai người này có đến thăm “xưởng” in <i>KTNN</i>
2	Poulin	Thư ký Nha Học chính Bắc Kỳ	
3	Laumônier	Giám đốc báo <i>l'Avenir du Tonkin</i>	
4	Lamblot	Làm việc ở báo <i>l'Avenir du Tonkin</i>	
5	Reverony	Như trên	Oger coi là “cố vấn quý hóa”
6	Maliverney	Như trên	
7	De Cathelineau	Như trên	
8	Thureau	Cán sự Dân sự vụ Đông Dương	
9	Le Gallen	Như trên	
10	Tissot	Như trên	
11	Tharaud	Như trên	
12	Bouchet	Như trên	
13	Simoni	Tài trợ	
14	Morel	Như trên	
15	Tournois	Như trên	
16	Logerol	Như trên	
17	Veyret	Như trên	
18	Bogaert	Như trên	

* Tên ông này ở Volume de Texte lại viết thành Péralle. Chúng tôi nghĩ Péralle gần với sự thật hơn.

Không thấy Oger cảm ơn hay nhớ ơn hai giáo sư Sylvain Lévi⁽⁷⁾ và Louis Finot mà ông đã dài dòng tự hào là học trò của hai vị nổi tiếng này.

Cũng không thấy Oger nói đến Jean Ajalbert, nhà thơ, nhà báo... mà hai ông Philippe Le Failler và Olivier Tessier coi là mentor [quân sự] của Henri Oger (2009: 15 và các trang sau).

Péralle (Giám đốc) và Poulin (Thư ký), làm ở Nha Học chính Bắc Kỳ, là hai người đã đến thăm “xưởng” khắc và in *KTNN*. Dĩ kiện mới biết này xác nhận quan hệ (có thể coi là chặt chẽ chăng?) giữa Oger và Nha Học chính. Chúng ta biết rằng Gustave Dumoutier, trước khi mất vào năm 1904 đã là Thanh tra Học chính Bắc Kỳ. Như vậy, có thể càng củng cố chiều hướng xác nhận ảnh hưởng của chuyên luận *Essais sur les Tonkinois* (của Dumoutier) đến nội dung *KTNN*.

Năm người mà Oger gọi là *cố vấn quý hóa* đều có thể là những bạn học cùng trường École Coloniale với Oger nhưng thuộc các khóa trước. Học sinh tốt nghiệp La Colo thường được bổ làm cán sự dân sự vụ ở các thuộc địa. Cùng với Péralle và Poulin họ có thể ảnh hưởng nhiều đến *KTNN*.

Bốn-năm người làm ở tòa báo *l'Avenir du Tonkin* đã giúp Oger “có đất dụng võ”, những người tài trợ (và đặt mua sau này) đã làm Oger không thể bỏ dở việc khắc in *KTNN*. Nhờ vậy *KTNN* mới có thể là dự án duy nhất của Oger có kết quả cụ thể.

II.2.c. Trong Tập Văn từ in sau các trang PLANCHES *khoảng 2 năm*, chúng ta cũng thấy một danh sách những người mà Oger ghi nhớ (bảng 3)

Bảng 3. Danh sách những người Oger đề tặng và cảm ơn năm 1911

TT	Tên người	Chức vụ / Đề tặng
<i>Kính tặng</i>		
1	Jean Ajalbert	- Kỷ niệm những buổi đàm luận dài về Malmaison; bạn tâm tình trong những lúc phân vân.
<i>Kính tặng</i>		
2	Aymonier	- Giáo sư tiếng Khmer, Lịch sử và phong tục Đông Dương ở Trường Thuộc địa.
3	Lorin	- Thanh tra Dân sự vụ Đông Dương, Giáo sư tiếng Nam và tiếng Hoa ở Trường Thuộc địa.
4	Lorgeou	- Giáo sư tiếng Thái ở Trường Sinh ngữ Đông phương.
5	Prêtre	- Cán sự Dân sự vụ Đông Dương, Giáo sư Luật và Tổ chức hành chính Đông Dương.
6	Norès	- Thanh tra Thuộc địa, Giáo sư Luật hành chính Thuộc địa.
7	Đại úy Roux	- Pháo binh Thuộc địa
<i>Với lòng biết ơn của một học trò cũ</i>		
<i>Cảm ơn [những người đặt mua]</i>		
8	Eberhardt	- Thái phó của Hoàng đế nước Nam, Tiến sĩ khoa học (Huế)
9	Schneider	- Chủ hiệu sách ở Hanoi
10	Le Gallen*	- Cán sự Dân sự vụ Đông Dương
11	Tissot*	
12	Perret	
13	Batault	
14	Huckel	
15	Monroux	
16	Giran	
17	Maspero	
18	Barbotin	- Giám đốc Trường Kỹ thuật thực hành Hà Nội.
19	Péralle*	- Giám đốc Nha Học chính Bắc Kỳ.
20	Poulin*	- Thư ký Nha Học chính Bắc Kỳ.
21	Chané	- Giám đốc Nhà máy sợi [Hà Nội]
22	Hoang-Trong-Phu	- Tong-Doc Ha-Dong
23	Mandron	- Giáo sư
24	Ricquebourg	- Giám đốc Nhà đan và Độc quyền [thuốc phiện, rượu, muối...], Cambot

Ghi chú: * Có tên cả ở Bảng 2.

Bảng này có hai phần rõ rệt: Kính tặng (7 người trong đó 5 người là thầy giáo ở La Colo); Cảm ơn (17 người đã đặt mua *KTNN* trong đó có 8 người là bạn cùng khóa hay trước khóa ở La Colo). Ajalbert có vị trí đặc biệt nhưng là về những buổi đàm luận dài về Malmaison và Oger coi Ajalbert như “bạn tâm tình trong những lúc phân vân”. Xin chú ý là Oger viết về Ajalbert như vậy vào đầu năm 1911, khi đã khắc và in xong các trang tranh của *KTNN*. Nói cách khác, Jean Ajalbert hầu như không liên quan đến *KTNN*.

So sánh Bảng 2 với Bảng 3 thấy có 4 người có tên ở cả hai bảng (2 người làm ở Nha Học chính và 2 cán sự Dân sự vụ); hình như càng thấy rõ quan hệ giữa Nha Học chính và việc thực hiện *KTNN*.

Vẫn không thấy Oger nhớ đến hoặc cảm ơn hai giáo sư Lévi và Finot.

Tất cả có đến 23 người đã tài trợ cho việc thực hiện *KTNN* (6 người tài trợ ở Bảng 2 và 17 người đặt mua ở Bảng 3). Như vậy: a) Việc kêu gọi người đặt mua *KTNN* đã chỉ có sau khi in trang PLANCHES và b) Tổng số bản

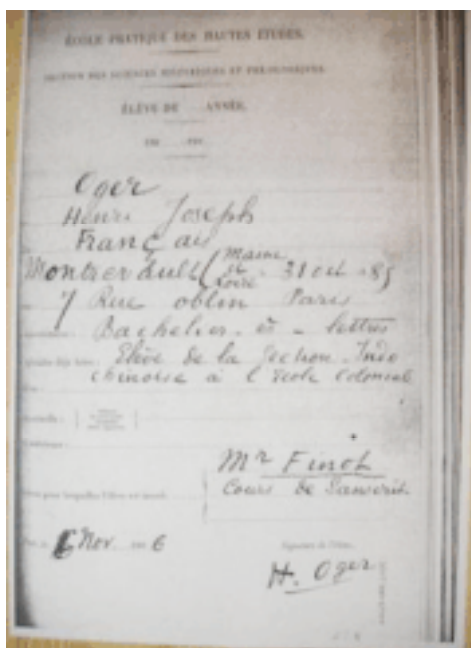
gốc đã rập in có thể nhiều hơn 17 hoặc 23. Cũng rất có thể, 23 người tài trợ này không nhận được đủ bộ *KTNN* (tất cả các quyển). Cũng rất có thể con cháu các vị đã đặt mua *KTNN* còn giữ được bản gốc *KTNN*. Cũng có dấu hỏi về kết luận của Nguyễn Mạnh Hùng (1989, tr. 32): *Số lượng ấn hành rất hạn chế: 15 bộ và 1 cuốn lẻ không đủ bộ*. Cũng vậy đối với ý kiến của hai ông Le Failler và Tessier: *Vì xuất bản với số lượng rất ít, tất cả không quá sáu mươi bản...* (2009: 8).

Các trang *PLANCHES* ở hai bản gốc *HAN* và *LDN* đã giúp ta biết thêm đôi điều khá quan trọng về mặt nghiên cứu văn bản của bộ sách quý *KTNN*. Cũng cho thấy vai trò của Ajalbert đối với Oger, nhưng hầu như không đối với *KTNN*.

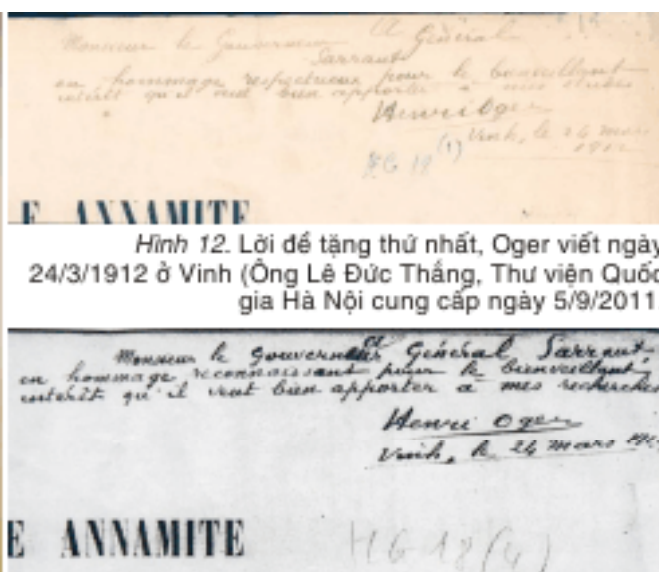
III. Phân tích tự dạng của Henri Oger

Trong hồ sơ lưu trữ về Henri Oger ở Pháp (Aix-en-Provence, Paris) và Việt Nam (Hà Nội) còn nhiều chữ viết của ông nhưng thường liên quan đến lần lưu trú thứ hai (ở Vinh, từ giữa năm 1911 đến ngày 3/6/1914) và thứ ba (ở Quảng Yên, từ tháng 9 năm 1916 đến 18/6/1919); khi này ông đã là cán sự Dân sự vụ Đông Dương. Lần lưu trú thứ nhất, Oger là lính nghĩa vụ nên còn lại rất ít hồ sơ.

Chúng tôi thấy chữ viết tay của Oger ở Đơn xin học Trường Cao học thực hành (EPHE) viết ngày 6 tháng 11 năm 1906 và ở hai lời đề tặng trong bản *HAN* viết ngày 24 tháng 3 năm 1912 ở Vinh.



Hình 11. Đơn xin học EPHE của Henri Oger (do TS P. Bourdeaux, EPHE Paris cung cấp ngày 27/1/2010).

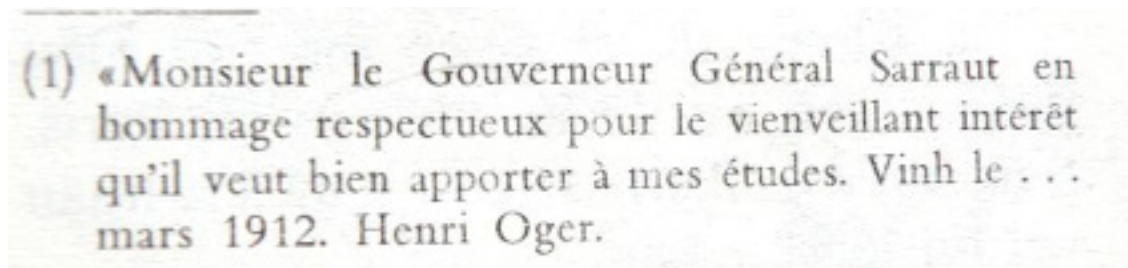


Hình 12. Lời đề tặng thư nhất, Oger viết ngày 24/3/1912 ở Vinh (Ông Lê Đức Thắng, Thư viện Quốc gia Hà Nội cung cấp ngày 5/9/2011).

Hình 13. Lời đề tặng thư hai, do Oger viết ngày 24/3/1912 ở Vinh (do Nguyễn Mộng Hùng photo lại ngày 13/10/2010 ở Thư viện Quốc gia Hà Nội).

Về lời đề tặng thư nhất, năm 1989 Nguyễn Mạnh Hùng đã có nói đến trong *Ký họa Việt Nam đầu thế kỷ 20* (tr. 32) nhưng so với 6 dòng chữ viết

ở hình 12 (chụp) thì thiếu chữ **À** (Kính tặng) và con số **24** (ngày 24) hơn nửa địa điểm, ngày tháng viết và chữ ký bị đảo dưới lên trên. Thiếu chữ **À** thì đầu còn là lời đề tặng. Không kể chữ *bienveillant*, ở bản Nguyễn Mạnh Hùng bị *nhầm* thành *vienveillant*.



Hình 14. Nội dung Lời đề tặng thứ nhất, theo Nguyễn Mạnh Hùng (1989: 32).

Tuy biết rằng những người khắt khe không coi graphology [thuật xem tướng chữ viết, thư bút học] như một bộ môn khoa học đúng theo nghĩa của từ này nhưng người viết thứ hai đã có 24 năm kinh nghiệm về bộ môn này và, hơn nữa, trong trường hợp Oger, thấy kết quả phân tích tự dạng rất khớp với những nhận xét từ bộ *KTNN* nên chúng tôi tóm tắt kết quả phân tích tự dạng thấy ở các hình 11, 12 và 13 như sau:

- Ba chữ ký cho biết người viết chưa định hình, có khuynh hướng vươn tới toàn thiện, muốn rõ ràng, rành mạch và thường lạc quan nhưng tính khí bất thường, không tôn trọng quy tắc chung, nhiều tham vọng.

- Cách viết chữ cho thấy người viết có cá tính mạnh, luôn muốn rõ ràng, rành mạch nhưng bộp chộp, thiếu suy nghĩ trước khi hành động, hay tự cao.

- Cách viết chữ số cũng khẳng định là người viết mong muốn mình bạch nhưng tính khí bất thường.

- Cách bố cục càng chứng tỏ người viết bộp chộp, non nớt.

Nhận xét chung: Người viết là một thanh niên có cá tính mạnh, nhiều tham vọng đôi khi viễn vông, nhiều mâu thuẫn, năng nổ nhưng bông bột, thực dụng, không tôn trọng quy tắc chung, mong muốn rạch ròi, thiếu kinh nghiệm (thiếu hiểu biết cơ bản, không biết mình, biết người), trong thâm tâm mong muốn một cuộc sống bình yên.

Ngoài ra, chúng tôi cũng có một nhận xét nhỏ về nội dung lời đề tặng: đối với Gouverneur Général (Toàn quyền) Đông Dương - một thuộc địa quan trọng của Pháp hồi đó, nhất là với Albert Sarraut (khi đó đã là một trí thức khá nổi tiếng), không thể chỉ dùng từ *Monsieur* và chỉ xưng Sarraut như Oger đã viết. Chúng tôi nghĩ có thể viết *À Son Excellence, Monsieur le Gouverneur Général de l'Indochine française...* Cách viết của Oger có thể coi là hỗn, ngỗ nghịch. Dù sao cũng nên rộng lượng với Oger vì anh ta mới từ quê lên Paris học được một năm, đi nghĩa vụ hai năm ở Bắc Kỳ rồi về học tiếp một năm và ra trường. Cuộc sống ở Bắc Kỳ cũng như ở La Colo làm anh

ta cảm thấy bị hắt hủi (không ai ủng hộ những dự tính viển vông - vượt quá xa hiểu biết và khả năng của anh ta) từ đó đâm ra phản kháng chua chát!

Với bài này chúng tôi chỉ mong góp được vài thông tin (mới chăng?) về trọn bộ bản gốc *KTNN* khi vừa tròn 100 năm, đồng thời góp phần trả lại cho Oger những gì ông thực có, hiểu đúng những đóng góp quý giá của ông, không ngộ nhận về ông do hiểu sai những câu chữ Pháp trong *KTNN*.⁽⁸⁾ Rất mong quý vị cao minh chỉ bảo thêm cho^(*).

N Q M - H van Putten - N M H

CHÚ THÍCH

- (1) Tập Trang tranh rõ ràng không ghi nhà xuất bản, Tập Văn từ tuy ghi Nxb Geuthner và nhà in Jouvé & Co. nhưng năm 2010 lục hồ sơ lưu trữ ở cả hai nơi này đều không thấy gì về tập đó. Việc nhận *xằng* Nxb Geuthner cũng xảy ra với bộ *Monographie dessinée de l'Indochine* vào những năm 1930.
- (2) Pierre Huard là người đầu tiên viết về Oger và bộ *KTNN*; đó là vào năm 1970. Ông cũng như các vị dùng thông tin của ông đều viết về *cả cuộc đời* Oger khi giới thiệu bộ *KTNN*, do đó có nhiều bất cập. Riêng một vị đã viết, đăng đàn diễn thuyết nhiều về *KTNN* nhưng mỗi dịp mỗi khác.
- (3) Chúng tôi quan niệm bản gốc (version originale) là đơn vị ấn phẩm độc lập có cùng tên, cùng tác giả và không phụ thuộc vào số trang, số quyển, số tập...
- (4) Thư viện Quốc gia Việt Nam tại Hà Nội còn đang tiếp tục tìm nên nhận định này chưa phải là cuối cùng.
- (5) Quê của Oger là Montrevault (một làng nhỏ, năm 2008 chỉ có 1.276 dân, chưa bao giờ vượt quá 1.500 dân). Chantilly lớn hơn, nổi tiếng hơn (năm 2007 có 11.096 dân).
- (6) Đầu thế kỷ XX, phương tiện vận chuyển duy nhất giữa Việt Nam và Pháp là tàu thủy, việc đi và đến của những tàu này phụ thuộc chế độ gió mùa mậu dịch, mỗi chuyến đi hoặc về dài từ khoảng 2 tới 3 tháng rưỡi.
- (7) Theo Wikipedia Français tên đúng của GS này là Sylvain Lévi. Như vậy Oger đã *viết sai tên* ông, từ Sylvain thành Silvain. Huard lại *viết sai họ* ông, từ Lévi thành Lévy!
- (8) Một thí dụ rõ nét: có vị đã kiên trì ngộ nhận những việc Oger *định* làm thành những việc *đã* làm; vị này cũng triển miên cả tin vào những lời "lạ tai" của anh sinh viên năm thứ nhất Oger nên không so với thực tế, đọc và so với những sách khác, liên tục coi điều Oger viết là "chân lý". Sự ngộ nhận và cả tin đến mức hầu như mê tín đó được thể hiện từ ấn phẩm năm 1989, qua luận văn năm 1996 đến bài viết trong nội san một đại học dân lập khoảng năm 2002 và bài báo năm 2009...

* Xin chân thành cảm ơn bà Trần Kim Cúc (TVKHTH TPHCM), ông Lê Đức Thắng (TVQG HN), TS P. Bourdeaux (EPHE, Paris) và TS S. Chonchirdsin cùng các đồng sự (British Library, London) đã giúp đỡ chúng tôi hoàn thành bài viết này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Azambre, G. Hanoi - Notes de géographie urbaine. *Bulletin des Études Indochinoises*, 1955, Nouvelle Série, T. XXX, No. 4, pp. 355-363.
2. Huard, P. Le pionnier de la technologie vietnamienne: Henri Oger (1885-1936?). *BEFEO*, 1970, vol. LVII, pp. 215-217.
3. Klementsich-van Hövell tot Westerfliet, J.M.J. *Grafologie - aan de hand van het schrift, het karakter in de vingers*. Haarlem, Altamira-Becht, cop., 2009.
4. Lowe, S.R. *The Complete Idiot's Guide to Handwriting Analysis*. New York, Alpha Books, 1999.

5. Ngọc Hoa. “Nói thêm về bộ *Kỹ thuật của người An Nam*”, tạp chí *Xưa và Nay*, 2009, số 345, tr. 30-31.
6. Nguyễn Mạnh Hùng. *Ký họa Việt Nam đầu thế kỷ 20*. TP Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ, 1989.
7. Nguyễn Quảng Minh, Nguyễn Mộng Hùng. Đọc bộ sách mới in lại *Kỹ thuật của người Nam*, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, 2010, số 2(79), tr. 83-95.
8. Oger, H. *Technique du peuple annamite - Machanics of the Annamites - Kỹ thuật của người An Nam*. Hà Nội, Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp - Thư viện Khoa học Tổng hợp TP Hồ Chí Minh - Công ty Nhã Nam - Nxb Thế giới, 2009.
9. Stienstra, Th. *Praktijk boek grafologie - De selectieve methode van Alfons Lü - Karakters leren zien in het handschrift*. 3e herz. dr. Ermelo, Stienstra, 2000.
10. Tam Hữu. “Về những người Việt tham gia thực hiện bộ *Kỹ thuật của người An Nam*”, tạp chí *Xưa và Nay*, 2009, số 344, tr.16-19.
11. Tam Hữu. “Có một ấn bản cũ *Kỹ thuật của người Nam* ở Thư viện Anh (British Library, London, Anh)”. *Tin Việt Nam*, 2011(14/02), số 321, tr. 7-9.
12. Zynovsky, J. *Methodology in Research and Development*. New York, Heliote Publishers, 1998.

TÓM TẮT

Bộ sách *Technique du peuple annamite* (*Kỹ thuật của người Nam*) của Henri Oger gồm có hai phần: phần Tranh (Volume des Planches) in mộc bản tại Hà Nội vào năm 1909 và phần Văn từ (Volume de Texte) in typo ở Paris vào năm 1911. Như vậy đến nay, bộ sách này xuất bản trọn bộ vừa đúng 100 năm.

Nhân dịp này, các tác giả bài viết đã tiến hành khảo chứng về văn bản học đối với các bản gốc của bộ *Kỹ thuật người Nam* hiện còn, kết hợp với việc nghiên cứu các bút tích của tác giả Henri Oger, từ đó giúp cho người đọc có thêm nhiều thông tin về quá trình xuất bản, những đóng góp thật sự của Henri Oger và của nhiều người khác (cả Việt lẫn Pháp) đối với công trình quý giá này.

ABSTRACT

A NEW PERSPECTIVE ON THE BOOK *TECHNIQUE DU PEUPLE ANNAMITE*

The book *Technique du peuple annamite* by Henri Oger consists of two volumes: the volume of pictures (Volume des Planches) woodblock printed in Hà Nội in 1909 and the volume of text (Volume de Texte) typo printed in Paris in 1911. So, the entire book was published exactly 100 years ago.

On this occasion, the authors has conducted evidence check based on textual studies on the remaining original copies of the book *Technique du peuple annamite* combined with the study of Henri Oger's autograph in order to provide readers with further information about the publishing process and the real contribution of Henri Oger and many others (both Vietnamese and French) to this valuable work.